TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2026
V/v: "Tranh chấp về xác định con cho cha ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đường Thanh Chánh
- Ông Huỳnh Hiếu Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Triệu Anh Thư- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ hôn nhân và gia đình án thụ lý số: 122/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp về xác định con cho cha"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thanh B, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp G, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1986; Nơi cư trú: ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Phước V, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Ông B và chị N có mặt, anh V xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2026 của anh Lê Văn T, trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Ngô Thanh B là người đại diện theo uỷ quyền của anh T trình bày:

Anh T và chị N do quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau và sống chung như vợ chồng từ năm 2020, đến ngày 10/4/2021 chị N sinh được một người con tên Lê Ngọc N1. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống với anh T chị N chưa ly hôn với anh Lê Phước V nên khai sinh cha của cháu N1 là anh Lê Phước V. Ngày 18/12/2025 anh V và chị N ly hôn theo Quyết định số 433/2025/QĐST-HNGĐ về việc công nhận sự thuận tình ky hôn và thoả thuận của các đương sự. Tại mục con chung của quyết định trên không thể hiện cháu Lê Ngọc N1 là con chung của anh Lê Phước V và chị Lê Thị Hồng N.

Ngày 02/01/2026 anh T yêu cầu Trung tâm X thực hiện xét nhiệm ADN, kết luận: Lê Văn T có quan hệ huyết thống cha - con với Lê Ngọc N1. Do vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết xác định cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày: 10/4/2021 là con ruột của anh Lê Văn T.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà chị Lê Thị Hồng N trình bày:

Do có quan hệ tình cảm với nhau nên chị và anh T bắt đầu sống chung từ năm 2020, đến ngày 10/4/2021 thì sinh con tên Lê Ngọc N1. Tuy nhiên, trong thời gian này chị và chồng cũ của chị là ông Lê Phước V chưa ly hôn với nhau. Chị và anh V đã sống ly thân từ năm 2019 đến ngày 18/12/2025 chị và anh V đã ly hôn theo Quyết định công nhận thỏa thuận số 433/2025/QĐST-HNGĐ. Khi chị ly hôn với anh V thì anh V không biết chị đã có con với anh T vì từ năm 2019 đến năm 2025 thì chị không có liên lạc với anh V.

Chị xác định bé Lê Thị Ngọc N1, sinh ngày 10/4/2021 là con chung của chị và anh T nên chị thống nhất yêu cầu khởi kiện của anh T.

Bé Lê Thị Ngọc N1 không phải là con của anh Lê Phước V nhưng trong giấy khai sinh chị khai cha bé là anh Lê Phước V vì trong bé N1 sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị với anh V.

Anh Lê Phước V vắng mặt tại Toà nhưng có lời khai trong quá trình tố tụng

như sau:

Anh và chị N trước kia là vợ chồng hợp pháp, đã ly hôn vào ngày 18/12/2025, trước khi ly hôn thì anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2016 nên chị N làm gì và sống chung với ai anh không biết. Riêng cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 10/4/2021 mặc dù khai sinh tên cha là Lê Phước V và tên mẹ là Lê Thị Hồng N nhưng trên thực tế cháu N1 không phải là con chung của anh và chị Lê Thị Hồng N, nên anh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T, xác định anh Lê Văn T, sinh năm 1991 là cha đẻ của cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 10/4/2021.

Về án phí anh Lê Văn T được miễn nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2026 của anh Lê Văn T đối với chị Lê Thị Hồng N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về xác định con cho cha*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long.

1.2 Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Chị Lê Thị Hồng N có nơi cư trú tại xã N, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Về việc vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà ông Ngô Văn B1 là người đại diện theo uỷ quyền của anh Lê Văn T yêu cầu Hội đồng xét xử xác định cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 10/4/2021 là con ruột của anh Lê Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh V và chị N đều thừa nhận cháu N1 không phải là con chung của anh chị. Mặt khác, chị N và anh T đều thống nhất xác định cháu Lê Ngọc N1 là con chung của anh T và chị N. Đồng thời căn cứ vào Phiếu kết quả phân tích DNA ngày 02/01/2026 của Trung tâm X kết luận: Lê Văn T có quan hệ huyết thống cha - con với Lê Ngọc N1, độ tin cậy >99,9999%. Do đó, yêu cầu của anh Lê Văn T về việc xác định cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 02/01/2026 là con đẻ của anh T là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long xác định anh Lê Văn T là người chịu án phí và được miễn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định:

“ Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án

1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

a) Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật;

b) Người yêu cầu cấp dưỡng, xin xác định cha, mẹ cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự"

Tuy nhiên, trong vụ án này quan hệ pháp luật tranh chấp là xác định con cho cha, không phải tranh chấp về xác định cha cho con nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 12 là chưa phù hợp. Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"* nên chị Lê Thị Hồng N phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng do yêu cầu khởi kiện của anh T được Tòa án chấp nhận là đúng quy định. Tuy nhiên, anh T tự nguyện nộp án phí thay cho chị N nên Tòa ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

- Căn cứ khoản 1 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T đối với chị Lê Thị Hồng N về việc xác định con cho cha, cụ thể tuyên:

Tuyên bố cháu Lê Ngọc N1, sinh ngày 10/4/2021, định danh cá nhân số 086321006889 là con đẻ của anh Lê Văn T, sinh năm 1991, căn cước công dân số 095091008455.

Anh Lê Văn T, chị Lê Thị Hồng N có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch theo đúng quy định pháp luật.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch Lê Văn T tự nguyện vụ chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004652 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú./.

***Nơi nhận*:**
- TAND Vĩnh Long (1b);
- VKSND Khu vực 6 – Vĩnh Long (2b);
- UBND xã Nhuận Phú Tân (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Diễm